TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-PT
Ngày 28 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Bình Đảo**

Ông **Nguyễn Như Tám**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/HS-PT ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Lê Rắt N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2019/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:*

1. **Lê Rắt N** – Sinh năm: 1988 tại xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 8, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị U; chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 11/7/2018 cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (Có mặt)

2. **Nguyễn Văn S** – Sinh năm: 1983 tại xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Đặng Thị C; có vợ tên Lê Thị Thúy H1; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 28/5/2018 cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. **Trần Đức H** – Sinh năm 1996 tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nơi đăng ký HKTT: phường 2, thành phố S; Chỗ ở hiện nay: ấp 1, xã V, huyện G,

tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh T2 và bà Nguyễn Thị K; chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 01/6/2018 cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. **Trần Văn B –** Sinh năm 1980 tại xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T3 và bà Đỗ Thị N; có vợ tên Trương Thị Mộng T4; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5. **Dương Văn U –** Sinh năm: 1987 tại xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp Q, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C và bà Võ Thị T5; chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- *Những người bị hại:*

1. **Lê Rắt N –** Sinh năm: 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

2. **Nguyễn Văn S –** Sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

3. Ông **Trần Văn B –** *S*inh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang;

4. Ông **Dương Văn U –** Sinh năm: 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang;

- *Những người làm chứng*:

1. Ông **Trần Văn Đ1 –** Sinh năm: 1975 (Có mặt).

2. Ông **Nguyễn Văn T6 –** Sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Nguyễn Văn Đ2 –** Sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông **Phạm Hải A1 –** Sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Trú tại: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5. Ông **Trần Chí L –** Sinh năm: 1993 (Có mặt)

Trú tại: ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

6. Ông **Nguyễn Long A2 –** Sinh năm: 1991 (Có mặt).

Trú tại: ấp 1, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Trần Văn B và Nguyễn Văn S có mâu thuẫn với nhau trước nên vào khoảng 15 giờ ngày 15/12/2017, Nguyễn Văn S đang đánh bài chơi tại quán của anh Dương Văn Lĩnh ở ấp 11, xã V, huyện G thì Trần Văn B và Dương Văn U chạy xe mô tô đến gặp S nên B hỏi "Bộ lúc này mày ngon lắm hả", vừa nói xong B dùng tay đánh vào mặt S làm S té xuống ghế và bỏ chạy thì Dương Văn U lấy hai cái ly uống cà phê ném (chọi) S nhưng không trúng, B và U lên xe chạy đi. Sau khi bị đánh và bỏ chạy Nguyễn Văn S gọi điện cho Trần Đức H nói là "Tao bị B đánh rồi qua chở tao về" nên H từ nhà ở ấp 1, xã V lấy xe mô tô chạy đi rước S. Khi H chạy xe đến chợ Ba Hồ thì gặp Lê Rắt N đang ngồi ăn tại chợ Ba Hồ nên H nói là S bị B đánh kêu N qua tiếp, nghe vậy N lên xe chở H về nhà lấy hai cây dao tự chế và chạy qua ấp 11, xã V gặp S thì N chở S và H mang theo hung khí là hai cây dao tự chế chạy qua nhà cha của B tại ấp 10, xã V tìm B nhưng không gặp thì cả ba quay trở về khi vừa chạy xe lên dốc cầu Ba Hồ (hướng từ ấp 11 qua chợ Ba Hồ) thì hai nhóm thấy nhau (do lúc này B cũng vừa chạy xe từ ấp 10 qua cầu kênh Mới), nhóm của S chạy lên giữa cầu thì dừng xe lại thì N lấy dao tự chế ra cầm một cây và đưa cho S một cây còn B và U chạy lên cũng mang theo mỗi người một khúc cây, hai bên đậu xe cách nhau khoảng 10 mét. Sau đó, tiến lại đánh nhau thì hai nhóm đều bị thương tích, trong đó thương tích của Trần Văn B là 30%, Dương Văn U là 48%, Nguyễn Văn S là 04%, Lê Rắt N là 03%. Đối với Trần Đức H trong lúc đánh nhau cũng nhặt lấy cây dao của S chém U nhưng không gây thương tích gì. Sau đó, do hai bên đều bị thương tích nên không đánh nhau nữa. Đồng thời, hai bên đều được người thân đưa đến Bệnh viện băng bó vết thương và tiếp tục điều trị.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y số 65/KL-PY ngày 12/02/2018 của trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang đã kết luận thương tích của **Trần Văn B** như sau:

- *Dấu hiệu chính qua giám định*: Sẹo sơ cứng cẳng tay trái gây đứt gân duỗi cổ tay quay, duỗi cổ tay trụ, duỗi dạng ngón cái, duỗi ngón II, tổn thương thần kinh quay, đứt (mẻ) xương cẳng tay trái. Hiện tổn thương không hoàn toàn thần kinh quay trái và hạn chế vận động bàn tay trái.

- *Tỷ lệ tổn thương* cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 30%.

- *Vật gây thương tích*: Vật sắc.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y số 102/KL-PY ngày 05/3/2018 của trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang đã kết luận thương tích của **Dương Văn U** như sau:

- *Dấu hiệu chính qua giám định:*

Sẹo ảnh hưởng thẩm mỹ vùng mặt trái.

Sẹo xơ cứng cẳng tay trái gây đứt bó mạch thần kinh trụ - quay, thần kinh giữa; Đứt gân gấp nông, sâu các ngón tay trái; gân cơ gan tay dài. Hiện tại tổn thương hoàn toàn thần kinh trụ, thần kinh giữa và tổn thương không hoàn toàn thần kinh gian cốt sau và quay nông (nhánh thần kinh quay), hạn chế vận động bàn tay trái.

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại ở:*

Vùng mặt trái là: 11% (mười một phần trăm).

Cẳng tay trái là: 42% (bốn mươi hai phần trăm).

- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là*: ***48%.***

Về thẩm mỹ: Thương tích vùng mặt trái gây ảnh hưởng thẩm mỹ mức độ ít.

- *Vật gây thương tích: Vật sắc.*

* Tại Bản kết luận giám định pháp y số 66/KL-PY ngày 12/02/2018 của trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang đã kết luận thương tích của **Nguyễn Văn S** như sau:

- *Dấu hiệu chính qua giám định:* Sẹo phần mềm vùng đỉnh trái.
- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là*: **04%.**
- *Vật gây thương tích*: Vật tày có cạnh.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y số 75/KL-PY ngày 22/02/2018 của trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang đã kết luận thương tích của **Lê Rắt N** như sau:

- *Dấu hiệu chính qua giám định:* Sẹo phần mềm ngón tay II, III, IV bàn tay phải.
- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là*: **03%.**
- *Vật gây thương tích:* Vật có góc cạnh.

**** Vật chứng trong vụ án thu giữ được:***

Một đoạn gỗ tròn, dài 104cm, một đầu chặt nhọn có đường kính 2,8cm, một đầu gãy đường kính 3,8cm, thân gỗ có nhiều mắt nhỏ chặt xéo, nhọn và nhiều vết màu nâu; Một đoạn gỗ tròn, dài 104cm, đường kính đầu nhỏ 04cm, đầu lớn 05cm, trên thân gỗ có nhiều vết màu nâu; Một cây dao tự chế bằng kim loại màu đen, dài 55cm, cán dao bằng ống kim loại đập dẹp dài 15cm, rộng 03 cm, lưỡi dao có một cạnh sắt bén, mũi nhọn, bề rộng mũi dao 3,5cm; Ba đôi dép quai kẹp có nhãn hiệu Hawii dép màu xanh, Saueer dép màu trắng và loại dép thái màu vàng; Một nón lưỡi trai màu đỏ, có dính nhiều bùn đất và có lô gô hình tròn bằng nhựa màu đen; Một áo sơ mi tay dài, trên thân có nhiều hoa văn hình ngôi sao nhỏ màu trắng, tay áo bên phải có một vết rách dài 0,5cm, vai áo trái có một vết rách hình dạng không xác định.

**** Về trách nhiệm dân sự***: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo có đơn yêu cầu bồi thường như sau:

Bị cáo Trần Văn B có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

1. Chi phí điều trị theo hóa đơn là: 20.000.000 đồng;

2. Chi phí đi lại trong thời gian điều trị và tái khám là 4.500.000 đồng;

3. Tiền một năm ngày công không lao động được là 72.000.000 đồng;

4. Tiền tổn thất về tinh thần 15 tháng lương tối thiểu x 1.390.000đ/tháng = 20.850.000 đồng;

5. Tiền dưỡng sức khỏe sau bệnh, cánh tay tàn phế suốt đời do bị chém 90 ngày là: 100.000đ x 90ngày = 9.000.000 đồng;

6. Tiền công người nuôi bệnh là 11 ngày x 200.000đ/ngày = 2.200.000 đồng;

7. Tiền giám định là: 2.400.000 đồng;

8. Tiền mướn người xạ lúa vụ đông xuân là 12.000.000 đồng;

9. Tiền thất thoát vụ đông xuân là 50.000.000 đồng;

Tổng cộng là: 192.100.000 đồng.

Bị cáo Dương Văn U có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

1.Chi phí điều trị theo hóa đơn là: 27.500.000 đồng;

2.Chi phí đi lại trong thời gian điều trị và tái khám là 8.600.000 đồng;

3. Tiền một năm ngày công không lao động được là 72.000.000 đồng;

4. Tiền tổn thất về tinh thần 15 tháng lương tối thiểu x 1.390.000đ/tháng = 20.850.000 đồng;

5. Tiền dưỡng sức khỏe sau bệnh, cánh tay tàn phế suốt đời do bị chém 90 ngày là: 100.000đ x 90ngày = 9.000.000 đồng;

6. Tiền công người nuôi bệnh là 11 ngày x 200.000đ/ngày = 2.200.000 đồng;

7. Tiền giám định là: 2.500.000 đồng;

Tổng cộng là: 142.650.000 đồng;

Bị cáo Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

1.Chi phí điều trị theo hóa đơn là: 4.330.200 đồng;

2.Chi phí đi lại trong thời gian điều trị và tái khám là 2.000.000 đồng;

3. Tiền tổn thất về tinh thần 03 tháng lương tối thiểu x 1.390.000đ/tháng = 4.170.000 đồng;

4. Tiền giám định là: 2.000.000 đồng;

Tổng cộng là: 12.500.000 đồng.

Bị cáo Lê Rắt N có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

1. Chi phí điều trị theo hóa đơn là: 230.000 đồng;

2. Tiền giám định là: 2.000.000 đồng;

Tổng cộng là: 2.230.000 đồng.

**** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:***

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn B, Dương Văn U, Lê Rắt N, Nguyễn Văn S và Trần Đức H phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

- **Áp dụng:** Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1/- ***Xử phạt***: Bị cáo **Lê Rắt N** – ***36 (ba mươi sáu) tháng tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 11/7/2018.

- **Áp dụng**: Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

2/- ***Xử phạt***: Bị cáo **Nguyễn Văn S** – ***24 (hai mươi bốn) tháng tù***. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 28/5/2018.

- **Áp dụng**: Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

3/- ***Xử phạt:*** Bị cáo ***Trần Văn B – 09 (chín) tháng tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- **Áp dụng**: Điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

4/- ***Xử phạt***: bị cáo **Dương Văn U** – ***06 (sáu) tháng tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- **Áp dụng**: Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

5/- ***Xử phạt***: bị cáo **Trần Đức H** – ***06 (sáu) tháng tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 31/5/2018.

* ***Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 590 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường các chi phí hợp lý và tổn thất tinh thần cho nhau, cụ thể như sau:

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Lê Rắt N, Nguyễn Văn S và Trần Đức H nộp số tiền 15.000.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng) theo biên lai thu tiền số 03848 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G để khắc

phục thiệt cho Trần Văn B và Dương Văn U. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện G giao số tiền 15.000.000 đồng (trong đó mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng) cho Trần Văn B và Dương Văn U.

Buộc các bị cáo Lê Rắt N, Nguyễn Văn S và Trần Đức H phải liên đới bồi thường cho bị cáo Dương Văn U số tiền 52.673.661 đồng và Trần Văn B là 24.702.666,5 đồng, trong đó:

Bị cáo Lê Rắt N phải bồi thường cho Dương Văn U số tiền là 26.336.830,5 đồng và Trần Văn B số tiền là 12.351.333 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà N nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G 5.000.000 đồng nên Lê Rắt N tiếp tục bồi thường cho Dương Văn U số tiền là (26.336.830,5đ – 2.500.000đ) = 23.836.830,5 đồng và Trần Văn B số tiền là (12.351.333đ – 2.500.000đ) = 9.851.333 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho Dương Văn U số tiền là 13.168.415,2 đồng và Trần Văn B số tiền là 6.175.666,5 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà S nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G là 5.000.000 đồng nên Nguyễn Văn S tiếp tục bồi thường cho Dương Văn U số tiền là (13.168.415,2đ – 2.500.000đ) = 10.668.415,2 đồng và Trần Văn B số tiền là (6.175.666,5đ – 2.500.000đ) = 3.675.666,5 đồng.

Bị cáo Trần Đức H phải bồi thường cho Dương Văn U số tiền là 13.168.415,2 đồng và Trần Văn B số tiền là 6.175.666,5 đồng nhưng được khấu trừ số tiền mà H nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G 5.000.000 đồng nên Trần Đức H tiếp tục bồi thường cho Dương Văn U số tiền là (13.168.415,2đ – 2.500.000đ) = 10.668.415,2 đồng và Trần Văn B số tiền là (6.175.666,5đ – 2.500.000đ) = 3.675.666,5 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* **Sau khi xét xử sơ thẩm,** ngày 04/3/2019 bị cáo Trần Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau: Tăng hình phạt đối với các bị cáo S, N và H; Giảm hình phạt cho bị cáo U và B; Tăng mức bồi thường cho B và U; Làm rõ việc S là người chém B và U chứ không phải N.

* Ngày 08/3/2019 Dương Văn U có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau: Tăng hình phạt đối với các bị cáo S, N và H; Giảm hình phạt cho bị cáo U và B; Tăng mức bồi thường cho B và U; Làm rõ việc S là người chém B và U chứ không phải N.

* Ngày 11/3/2019 bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Rắt N và Nguyễn Văn S rút toàn bộ yêu cầu khởi tố hình sự đối với các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B rút toàn bộ kháng cáo đối với các Lê Rắt N, Trần Đức H và Nguyễn Văn S.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S rút toàn bộ kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố và luận tội tại phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đối với các bị cáo Lê Rắt N và Nguyễn Văn S rút toàn bộ yêu cầu khởi tố hình sự đối với các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B rút toàn bộ kháng cáo đối với các bị cáo Lê Rắt N, Trần Đức H và Nguyễn Văn S.

Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi tố cũng như rút yêu cầu kháng cáo của các bị cáo như trên, đây là sự tự nguyện của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B và Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của 03 bị cáo B, U và S. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 155 và Điều 359 BLTTHS hủy một phần B án sơ thẩm và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo B và U. Áp dụng: Điều 348 BLTTHS Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của 03 bị cáo S, B và U; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS sửa án sơ thẩm.

Về phần trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo N, S và H bồi thường cho bị cáo B số tiền 24.702.666,5 và cho bị cáo U số tiền 52.673.661 đồng. Các bị cáo S, N, H đã nộp 15.000.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo S, H và Rắt N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, ngày công lao động bị mất và các khoản chi phí hợp lý khác… cho bị cáo Trần Văn B số tiền 100.000.000 đồng, bồi thường cho bị cáo Dương Văn U số tiền 150.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền cấp sơ thẩm tuyên). Hiện bị hại Dương Văn U đã nhận đủ 150.000.000đồng và Trần Văn B nhận 85.000.000đồng, còn lại 15.000.000đồng các bị cáo S, N, H nộp tại Chi cục Thi hành án huyện G, bị hại B sẽ nhận lại sau và các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

- Đối với số tiền 10.500.200 đồng mà bị cáo Trần Văn B nộp bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn S, theo biên lai thu số 01934 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo S có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

- Đối với số tiền 230.000 đồng mà bị cáo Dương Văn U nộp bồi thường cho Lê Rắt N, theo biên lai thu số 01935 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo N có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn B, Dương Văn U và Nguyễn Văn S về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Do Trần Văn B và Nguyễn Văn S có mâu thuẫn với nhau từ trước, nên vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 15/12/2017 tại cầu Ba Hồ thuộc ấp 11, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang nhóm của S, Lê Rắt N và Trần Đức H sử dụng dao tự chế đánh nhau với nhóm của B và Dương Văn U (B và U mỗi người cầm một khúc cây). Trong lúc đánh nhau, B dùng cây đánh trúng vào đầu S, N dùng dao tự chế chém B và U, U dùng khúc cây đánh lại N, còn H nhặt cây dao của S chém U nhưng không gây thương tích gì. Hậu quả Trần Văn B bị thương tích với tỷ lệ 30%, Dương Văn U là 48%, Nguyễn Văn S là 04%, Lê Rắt N là 03%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo S, N và H về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm c khoản 3 Điều 134 và các bị cáo B và U về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Rắt N và Nguyễn Văn S rút toàn bộ yêu cầu khởi tố hình sự đối với các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B. HĐXX nhận thấy, việc rút yêu cầu khởi tố không xử lý hình sự của bị cáo N và S đối với các bị cáo Trần Văn B và Dương Văn U là sự tự nguyện của các bị cáo là phù hợp pháp luật. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 155 và Điều 359 BLTTHS hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo B và U. Việc Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy một phần Bản án sơ thẩm trong trường hợp này cấp sơ thẩm không có lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B rút toàn bộ

kháng cáo đối với các bị cáo Lê Rắt N, Trần Đức H và Nguyễn Văn S, bị cáo Nguyễn Văn S rút toàn bộ kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của Dương Văn U, Trần Văn B và Nguyễn Văn S là tự nguyện phù hợp pháp luật nên HĐXX áp dụng Điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của 03 bị cáo S, B và U.

*** Về phần trách nhiệm dân sự:** Các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Đức H và Lê Rắt N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ chi phí điều trị, tổn thất tinh thần, ngày công lao động bị mất và các khoản chi phí hợp lí khác…cho bị cáo Trần Văn B với tổng số tiền 100.000.000 đồng, bồi thường cho bị cáo Dương Văn U với tổng số tiền 150.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền cấp sơ thẩm đã tuyên). Hiện bị hại Dương Văn U đã nhận đủ 150.000.000đồng và Trần Văn B đã nhận 85.000.000đồng, còn lại 15.000.000đồng các bị cáo S, N, H nộp tại Chi cục Thi hành án huyện G, bị hại B sẽ nhận lại sau và không ai yêu cầu giải quyết bồi thường gì thêm.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà các bị cáo Lê Rắt N, Nguyễn Văn S và Trần Đức H (trong đó mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng) theo biên lai thu tiền số 03848 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G để khắc phục thiệt hại cho Trần Văn B và Dương Văn U. Do bị cáo Dương Văn U đã nhận đủ số tiền bồi thường 150.000.000 đồng; bị cáo B nhận được số tiền 85.000.000 đồng từ ba bị cáo N, S, H nên sau khi án có hiệu lực bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Kiên Giang nhận số tiền bồi thường trên.

- Đối với số tiền 10.500.200 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng) mà bị cáo Trần Văn B nộp bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn S, theo biên lai thu số 01934 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo S có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

- Đối với số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) mà bị cáo Dương Văn U phải bồi thường cho Lê Rắt N, theo biên lai thu số 01935 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo N có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Rắt N và Nguyễn Văn S rút toàn bộ yêu cầu khởi tố hình sự đối với các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B; các bị cáo Dương Văn U và Trần Văn B rút toàn bộ kháng cáo đối với các Lê Rắt N, Trần Đức H và Nguyễn Văn S, bị cáo Nguyễn Văn S rút toàn bộ kháng cáo về xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xét thấy việc rút yêu cầu không

khởi tố hình sự và rút yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Văn S, Lê Rắt N, Dương Văn U, Trần Văn B là tự nguyện phù hợp pháp luật nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 155 và Điều 359 BLTTHS hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo B và U; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 348 BLTTHS, sửa án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của 03 bị cáo S, B và U là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Dương Văn U, Trần Văn B và Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 155, Điều 359, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 và Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự;

*** Xử:**

- Hủy một phần Bản án và đình chỉ một phần vụ án, Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đối với hai bị cáo Trần Văn B và Dương Văn U.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của 03 bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Văn B và Dương Văn U.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- ***Áp dụng***: Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa dổi bổ sung năm 2017.

1/- Xử phạt: Bị cáo **Lê Rắt N** ***– 03 (Ba) năm tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 11/7/2018.

- ***Áp dụng***: Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2/- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn S** – ***02 (Hai) năm tù***. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 28/5/2018.

- ***Áp dụng***: Điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3/- Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức H** – ***06 (sáu) tháng tù.*** Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giạm từ ngày 14/3/2018 đến ngày 01/6/2018.

* ***Về phần trách nhiệm dân sự***:

- Đối với số tiền số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) mà các bị cáo Lê Rắt N, Nguyễn Văn S và Trần Đức H (trong đó mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng) theo biên lai thu tiền số 03848 ngày 29/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G để khắc phục thiệt hại cho Trần Văn B và Dương Văn U (Do bị cáo Dương Văn U đã nhận đủ số tiền bồi thường 150.000.000 đồng; bị cáo B nhận được số tiền 85.000.000 đồng từ ba bị cáo N, S, H). Vì vậy, sau khi án có hiệu lực bị cáo Trần Văn B có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền bồi thường trên.

- Đối với số tiền tiền 10.500.200 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng) mà bị cáo Trần Văn B nộp bồi thường cho bị cáo Nguyễn Văn S, theo biên lai thu số 01934 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo S có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

- Đối với số tiền 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng) mà bị cáo Dương Văn U phải bồi thường cho Lê Rắt N, theo biên lai thu số 01935 ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, thì sau khi án có hiệu lực bị cáo N có trách nhiệm đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang nhận số tiền trên.

* Về phần án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Dương Văn U, Trần Văn B và Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (5);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang